

Số: 88/2023/QĐST-DS

Thành phố B, ngày 16 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 289/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số C ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đại diện theo ủy quyền của bà Diệt: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1965; địa chỉ: C3 khu phố B, phường B, thành phố B tỉnh Bến Tre; theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2023.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1990; địa chỉ: số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đại diện theo ủy quyền của bà Hiền: Bà Lê Thị Bích L, sinh năm 2000; địa chỉ: C3 khu phố B, phường B, thành phố B tỉnh Bến Tre; theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2023.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu tính lãi của số tiền nêu trên đến ngày Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Bà Nguyễn Thị Xuân T, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thu H không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (được giảm 50%) với số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Xuân T tự nguyện chịu án phí với số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.906.000 (chín triệu chín trăm linh sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số XYZ ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Xuân T được nhận lại số tiền 6.906.000 (sáu triệu chín trăm linh sáu nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện liên đới chịu án phí với số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (3b) ;
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HSVA, VP (4b).

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như